SAO Y
Đại học Quốc gia Hà Nội
Thời gian ký: 24/11/2022 09:55:08 +07:00

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3626 /QĐ-ĐHQGHN	*Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 3349/NQ-HĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Đại học Quốc gia Hà Nội nhiệm kỳ 2018-2023 về việc thông qua Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế đào tạo đại học ban hành theo Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban chức năng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Phòng TT&QTTH (đăng website);
- Lưu: VT, BĐT, Th50.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Hải

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3626 /QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo đại học theo hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học tại Đại học Quốc gia Hà Nội, bao gồm: chương trình đào tạo và thời gian học tập; tổ chức và quản lý đào tạo; nghiên cứu khoa học của sinh viên; quyền lợi và nghĩa vụ của giảng viên, cố vấn học tập, sinh viên; kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập; công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng cho các chương trình đào tạo do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Hiệu trưởng các trường thành viên cấp bằng và các chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng, hai bên cùng cấp bằng.

3. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Phân cấp tổ chức và quản lý đào tạo

1. Hệ thống tổ chức và quản lý đào tạo đại học gồm hai cấp: cấp Đại học Quốc gia Hà Nội và cấp đơn vị đào tạo.

a) Đại học Quốc gia Hà Nội

- Chỉ đạo và điều hành thống nhất công tác tổ chức và quản lý đào tạo theo cơ chế mở, liên thông, liên kết và hợp tác giữa các đơn vị đào tạo.

- Điều phối sử dụng các nguồn lực chung (nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật) phục vụ đào tạo.

- Quản lý toàn diện công tác tổ chức và quản lý đào tạo của các trường/khoa trực thuộc.

b) Đơn vị đào tạo

- Tổ chức và quản lý đào tạo các ngành học, học phần đã được Đại học Quốc gia Hà Nội giao nhiệm vụ; công nhận kết quả học tập của sinh viên giữa các đơn vị đào tạo; kết quả học tập của sinh viên được tích lũy ở các trường đối tác thông qua trao đổi sinh viên; xây dựng học liệu dùng chung.

- Xây dựng những ngành học mới, chương trình đào tạo mới, chú trọng các chương trình đào tạo có tính liên ngành, báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét thẩm định, ban hành và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo.

2. Phân công giảng dạy các học phần chung

a) Các học phần ngoại ngữ chung do Trường Đại học Ngoại ngữ giảng dạy, trừ các đơn vị có ngành/khoa/bộ môn đào tạo ngoại ngữ;

b) Các học phần lý luận chính trị do Trường Đại học Kinh tế và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn giảng dạy;

c) Các học phần pháp luật do Trường Đại học Luật giảng dạy;

d) Các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh giảng dạy;

đ) Các học phần giáo dục thể chất do Trung tâm Giáo dục Thể chất và Thể thao giảng dạy;

e) Các học phần tin học cơ sở do Trường Đại học Công nghệ và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên giảng dạy, trừ các đơn vị có ngành đào tạo về khoa học máy tính/công nghệ thông tin;

g) Các học phần kỹ năng bổ trợ do đơn vị đào tạo xây dựng chương trình và tổ chức giảng dạy hoặc Trung tâm Dự báo và Phát triển Nguồn nhân lực làm đầu mối xây dựng chương trình, trình Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, phê duyệt ban hành và giao nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện;

h) Các học phần còn lại do đơn vị quản lý học phần giảng dạy.

Điều 3. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng và hiệu quả giáo dục

1. Nội dung đào tạo, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá và phương thức quản lý phải phù hợp và đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Phát triển các chương trình đào tạo mới, có tính liên ngành đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai của xã hội.

3. Ưu tiên đầu tư điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

4. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, hoạt động thực tiễn.

5. Kiểm định chất lượng giáo dục là yêu cầu bắt buộc trong đào tạo.

Điều 4. Hình thức dạy học, tín chỉ, giờ tín chỉ

1. Hình thức dạy học

a) Lý thuyết: sinh viên học tập trên lớp qua bài giảng trực tiếp của giảng viên tại lớp học hoặc qua các lớp học trực tuyến;

b) Thực hành: sinh viên học tập qua thực hành, thực tập, làm thí nghiệm, làm bài tập, thảo luận, đọc và nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên;

c) Tự học: sinh viên tự học tập và nghiên cứu theo kế hoạch và nội dung do giảng viên giao và được kiểm tra đánh giá.

2. Tín chỉ là đại lượng xác định khối lượng kiến thức, kỹ năng mà sinh viên tích lũy được từ học phần trong 15 giờ tín chỉ.

3. Giờ tín chỉ là đại lượng đo thời lượng học tập của sinh viên, được phân thành ba loại theo các hình thức dạy học và được xác định như sau:

a) Một giờ tín chỉ lý thuyết bằng 01 tiết lý thuyết; để tiếp thu được 1 giờ tín chỉ lý thuyết sinh viên phải dành ít nhất 2 tiết chuẩn bị cá nhân;

b) Một giờ tín chỉ thực hành bằng 2 - 3 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 3 - 6 tiết thực tập tại cơ sở; 3 - 4 tiết làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp; một giờ tín chỉ bài tập bằng 2 tiết trên lớp; để tiếp thu được 1 giờ tín chỉ thực hành/bài tập sinh viên phải dành ít nhất 2 tiết chuẩn bị cá nhân;

c) Một giờ tín chỉ tự học bắt buộc bằng 3 tiết tự học bắt buộc và được kiểm tra đánh giá.

Điều 5. Học phần

1. Học phần là một phần kiến thức của chương trình đào tạo; mỗi học phần có khối lượng kiến thức từ 2 đến 5 tín chỉ, được tổ chức giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ (trừ học phần thực tập thực tế); mỗi học phần có mã số riêng do thủ trưởng đơn vị đào tạo ban hành dựa trên nguyên tắc đánh mã của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Các loại học phần

a) Học phần bắt buộc: sinh viên bắt buộc phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn có điều kiện: sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của đơn vị đào tạo;

c) Học phần tự chọn tự do: sinh viên tự chọn theo nhu cầu cá nhân phù hợp các yêu cầu học tập;

d) Học phần tiên quyết của một học phần: sinh viên phải tích lũy trước khi học học phần đó;

đ) Khóa luận, đồ án tốt nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức bắt buộc, có thời lượng từ 5 đến 10 tín chỉ được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo;

e) Thực tập, thực tế (nếu có) là một học phần bắt buộc;

g) Học phần điều kiện là các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh và kỹ năng bổ trợ. Kết quả đánh giá các học phần điều kiện không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy, nhưng là điều kiện để xét tốt nghiệp;

h) Học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo là học phần sinh viên bắt buộc phải tích lũy trong chương trình đào tạo.

3. Đề cương học phần

Đề cương học phần do giảng viên biên soạn dựa trên chuẩn đầu ra của học phần và được thủ trưởng đơn vị quản lý học phần phê duyệt để cung cấp cho người học trước khi giảng dạy. Đề cương học phần gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về đơn vị đào tạo (tên trường, khoa, bộ môn);

b) Thông tin về giảng viên;

c) Thông tin về học phần (tên học phần, mã số học phần, tính chất của học phần (bắt buộc hay tự chọn), số lượng tín chỉ, loại tiết học, giờ học, học phần tiên quyết, ngôn ngữ giảng dạy);

d) Mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy của học phần;

đ) Thông tin về hình thức tổ chức, lịch trình dạy học;

e) Học liệu;

g) Các quy định về kiểm tra đánh giá;

h) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của đơn vị đào tạo quản lý học phần hoặc của Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Ngân hàng câu hỏi của học phần

a) Mỗi học phần có ngân hàng câu hỏi do đơn vị quản lý học phần tổ chức biên soạn, được Hội đồng khoa học và đào tạo cấp khoa thẩm định và được Chủ nhiệm Khoa/Bộ môn cho phép sử dụng để lựa chọn làm đề kiểm tra đánh giá;

b) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể việc xây dựng ngân hàng câu hỏi của học phần.

Điều 6. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo đại học thể hiện mục tiêu, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo đại học; quy định chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả học tập, đáp ứng Quy định về chuẩn chương trình đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Một ngành học có một hoặc nhiều chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra tương ứng.

2. Các loại chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo chuẩn;

b) Chương trình đào tạo chất lượng cao;

c) Chương trình đào tạo tài năng;

d) Chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ;

đ) Chương trình đào tạo song ngành;

e) Chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng;

g) Chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Đại học Quốc gia Hà Nội và cơ sở giáo dục nước ngoài (đối tác nước ngoài) cùng cấp bằng;

h) Chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do đối tác nước ngoài cấp bằng.

Điều 7. Hình thức đào tạo

1. Đào tạo chính quy được tổ chức đào tạo tập trung liên tục trong toàn khóa học và áp dụng cho các chương trình đào tạo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, khoản 2, Điều 6 của Quy chế này. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại đơn vị đào tạo, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài đơn vị đào tạo.

2. Đào tạo vừa làm vừa học được tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày, trong tuần, trong toàn khóa học và áp dụng cho chương trình đào tạo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 6 của Quy chế này. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại đơn vị đào tạo hoặc tại đơn vị phối hợp đào tạo theo quy định liên kết đào tạo trong nước tại Điều 10 của Quy chế này, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài đơn vị đào tạo, đơn vị phối hợp đào tạo.

Điều 8. Kinh phí đào tạo

1. Nguồn kinh phí đào tạo

Kinh phí để tổ chức đào tạo một ngành học bao gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước, học phí và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

a) Kinh phí từ ngân sách nhà nước

Đại học Quốc gia Hà Nội phân bổ kinh phí theo định mức và chỉ tiêu đào tạo hàng năm cho các ngành học được cấp ngân sách nhà nước.

b) Học phí

- Sinh viên theo học bất kỳ ngành học nào đều phải trả học phí (trừ sinh viên thuộc đối tượng được miễn giảm theo quy định hiện hành của nhà nước).

- Sinh viên trả học phí theo kỳ hoặc số tín chỉ đăng ký học trong mỗi học kỳ tại đơn vị đào tạo quản lý ngành học mà sinh viên theo học.

- Học phí được tính theo công thức:

$$M = a\sum_{i=1}^{k} h_j n_i \qquad (j = 1 \div 4)$$

trong đó:

M: Số học phí phải nộp

a: Định mức học phí cho một tín chỉ theo hình thức đào tạo và chương trình đào tạo

h_j: Hệ số học phí của học phần thứ i mà sinh viên học lần đầu (h_1), học lại (h_2), học cải thiện điểm (h_3), học tự chọn tự do (h_4)

n_i: Số tín chỉ của học phần thứ i

k: Tổng số học phần

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo xây dựng định mức học phí cho một tín chỉ và hệ số học phí của từng học phần cho các ngành học, phù hợp với các quy định chung của nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội, báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể và công bố cho sinh viên biết cách thức thu, nộp và xét miễn giảm học phí.

- Các đơn vị đào tạo thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên theo quy định của nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác

Các nguồn kinh phí hợp pháp dành cho công tác đào tạo do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định.

2. Sử dụng kinh phí đào tạo

a) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc sử dụng kinh phí đào tạo theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Đơn vị quản lý nguồn kinh phí đào tạo có trách nhiệm thanh toán kinh phí cho đơn vị thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 2, Điều 2 của Quy chế này theo tỷ lệ và định mức do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

c) Đơn vị được giao quản lý cơ sở vật chất được sử dụng một phần kinh phí đào tạo để duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội. Tỉ lệ và định mức do các đơn vị thống nhất dựa trên các quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 9. Tuyển sinh

1. Chỉ tiêu tuyển sinh

a) Hàng năm, căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng, nhu cầu xã hội và tình hình sinh viên có việc làm đúng chuyên môn sau tốt nghiệp, đơn vị đào tạo xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh cho từng ngành học, từng hình thức đào tạo với chương trình đào tạo tương ứng của năm học tiếp theo, trước ngày 31 tháng 12 báo cáo và đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt;

b) Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho các đơn vị đào tạo trước ngày 01 tháng 3 hàng năm và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi có quyết định phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội, các đơn vị đào tạo mới được tổ chức tuyển sinh, tổ chức đào tạo.

2. Tổ chức tuyển sinh

Hàng năm, căn cứ quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh áp dụng tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 10. Liên kết đào tạo trong nước

1. Liên kết đào tạo chỉ thực hiện đối với hình thức vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 22, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và theo quy định tại khoản 2, 3, Điều này; không thực hiện việc liên kết đào tạo đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Các yêu cầu tối thiểu đối với đơn vị chủ trì đào tạo

a) Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp và còn hiệu lực theo quy định;

b) Chương trình dào tạo dự kiến liên kết đào tạo đã được tổ chức thực hiện tối thiểu 03 khoá liên tục theo hình thức chính quy; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu chương trình đào tạo đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành;

c) Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy tối thiểu 70% nội dung, khối lượng chương trình đào tạo;

d) Đã ban hành quy định về liên kết và đã thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng của đơn vị phối hợp đào tạo.

3. Các yêu cầu tối thiểu của đơn vị phối hợp đào tạo

a) Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành.

4. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo

a) Đơn vị chủ trì đào tạo và đơn vị phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận cụ thể về quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học bảo đảm chất lượng đào tạo và thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Đơn vị chủ trì đào tạo chịu trách nhiệm quản lý chất lượng đào tạo; báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh; nếu đơn vị phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về đơn vị chủ trì liên kết để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên;

c) Đơn vị phối hợp đào tạo có trách nhiệm cùng đơn vị chủ trì đào tạo bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo; tham gia quản lý, giảng dạy, theo thoả thuận giữa hai bên;

d) Đơn vị chủ trì đào tạo, đơn vị phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo; thực hiện các quy chế về tuyển sinh, đào tạo; bảo đảm quyền lợi chính đáng cho giảng viên, sinh viên trong suốt quá trình thực hiện hoạt động đào tạo, cho đến khi sinh viên khóa cuối cùng tốt nghiệp trong trường hợp dừng hợp tác.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 11. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được sắp xếp theo các khối kiến thức:

1. Khối kiến thức chung được tổ chức giảng dạy thống nhất cho tất cả các ngành học.

2. Khối kiến thức theo lĩnh vực được tổ chức giảng dạy thống nhất cho các ngành học thuộc cùng lĩnh vực.

3. Khối kiến thức theo khối ngành được tổ chức giảng dạy cho các ngành học thuộc cùng khối ngành.

4. Khối kiến thức theo nhóm ngành được tổ chức giảng dạy cho các ngành học thuộc cùng nhóm ngành.

5. Khối kiến thức ngành được tổ chức giảng dạy cho một ngành học.

Điều 12. Nguyên tắc xây dựng ngành học mới

Đơn vị đào tạo xây dựng đề án mở ngành học mới theo nguyên tắc:

1. Có nhu cầu xã hội cao, được chứng minh qua điều tra khảo sát tại các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp.

2. Phù hợp với sứ mệnh, gắn liền với chiến lược phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo; có vai trò thí điểm tiên phong trong hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam.

3. Không trùng với ngành học do đơn vị đào tạo khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội đang làm đầu mối phụ trách. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định.

4. Phù hợp với các điều kiện đảm bảo chất lượng hiện có của đơn vị đào tạo.

5. Phát huy hiệu quả hợp tác quốc tế.

Điều 13. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra là yêu cầu bắt buộc khi xây dựng chương trình đào tạo.

Ngoài ra, đối với các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao, chuẩn đầu ra phải đáp ứng yêu cầu: Có kiến thức cơ bản vững vàng, có khả năng áp dụng kiến thức chuyên sâu và kiến thức thực tế trong lĩnh vực đào tạo để phân tích, đánh giá, sáng tạo trong nghiên cứu và giải quyết các công việc phức tạp, có khả năng hội nhập quốc tế; có năng lực và trình độ chuyên môn cao (thể hiện qua kết quả học tập và nghiên cứu khoa học).

2. Chuẩn đầu ra bao gồm:

a) Chuẩn về kiến thức;

b) Chuẩn về kỹ năng;

c) Mức tự chủ và trách nhiệm;

d) Phẩm chất đạo đức.

3. Chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ quy định như sau:

a) Tương đương trình độ bậc 3 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội đối với các chương trình đào tạo chuẩn, ngành chính - ngành phụ, song ngành);

b) Tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội đối với chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao, chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng và các chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do đối tác nước ngoài và Đại học Quốc gia Hà Nội cùng cấp bằng.

4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo chỉ đạo việc xây dựng chuẩn đầu ra, tổ chức hội thảo rộng rãi lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp, cựu sinh viên để hoàn thiện và công bố chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo.

Điều 14. Thiết kế chương trình đào tạo

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thiết kế hướng tới đạt chuẩn đầu ra và tiến hành theo quy trình 4 bước:

a) Hình thành mục tiêu, điều tra nhu cầu và xây dựng chuẩn đầu ra;

b) Thiết kế chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra;

c) Tổ chức đào tạo thí điểm, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình đào tạo;

d) Triển khai đào tạo chính thức.

2. Thiết kế chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo chuẩn được thiết kế tối thiểu 120 tín chỉ đối với đào tạo cử nhân, 150 tín chỉ đối với đào tạo kĩ sư, 155 tín chỉ đối với đào tạo dược sĩ và tối thiểu 205 tín chỉ đối với đào tạo bác sĩ;

b) Chương trình đào tạo chất lượng cao được thiết kế nhiều hơn chương trình đào tạo chuẩn tương ứng ít nhất là 15 tín chỉ, trên cơ sở nâng cao, bổ sung một số học phần, có tham khảo chương trình đào tạo nước ngoài hoặc trên cơ sở chương trình đào tạo của một trường đại học tiên tiến có uy tín trên thế giới đã được điều chỉnh phù hợp với các quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Chương trình đào tạo tài năng được thiết kế nhiều hơn chương trình đào tạo chuẩn tương ứng ít nhất là 30 tín chỉ, trên cơ sở nâng cao, bổ sung một số học phần với yêu cầu trình độ cao hơn và nội dung rộng hơn, sâu hơn, có tham khảo chương trình đào tạo nước ngoài có uy tín;

d) Chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ

Ngoài nội dung chương trình đào tạo được thiết kế cho ngành thứ nhất với khối lượng kiến thức tối thiểu là 120 tín chỉ, có thể bổ sung các học phần của chương trình đào tạo ngành thứ hai hoặc các học phần bổ trợ kiến thức khác với khối lượng kiến thức ít nhất 15 tín chỉ, chủ yếu thuộc khối kiến thức ngành, để tạo thành chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ. Các học phần bổ sung được thể hiện trong phụ lục văn bằng cấp kèm theo bằng tốt nghiệp. Việc tổ chức và quản lý đào tạo được thực hiện liên thông giữa các khoa trong cùng một đơn vị đào tạo hoặc giữa các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội.

đ) Chương trình đào tạo song ngành

Chương trình đào tạo song ngành gồm hai phần: Chương trình đào tạo ngành thứ nhất có khối lượng kiến thức tối thiểu là 120 tín chỉ, ngành thứ hai có khối lượng kiến thức từ 30 tín chỉ trở lên (những học phần giống nhau, tương đương giữa hai chương trình đào tạo chỉ được tính khối lượng kiến thức một lần). Việc tổ chức và quản lý đào tạo được thực hiện liên thông giữa các khoa/bộ môn trong cùng một đơn vị đào tạo, giữa các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội;

e) Chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng được thiết kế theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và tham khảo chương trình đào tạo của đối tác nước ngoài để điều chỉnh, bổ sung đáp ứng yêu cầu và điều kiện thực tế của Việt Nam;

g) Chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng được thiết kế trên cơ sở quy định về thiết kế chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội và nội dung thỏa thuận hợp tác ký kết giữa hai bên;

h) Quy chế này không quy định việc thiết kế chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do đối tác nước ngoài cấp bằng.

Điều 15. Tổ chức xây dựng, điều chỉnh, ban hành chương trình đào tạo

1. Đại học Quốc gia Hà Nội

a) Quy định cấu trúc chương trình đào tạo theo Điều 11 của Quy chế này;

b) Thẩm định, phê duyệt đề án mở ngành học mới của đơn vị đào tạo;

c) Quyết định ban hành các chương trình đào tạo;

d) Thẩm định các điều kiện đảm bảo chất lượng và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo cho đơn vị đào tạo theo chương trình đào tạo đã được ban hành.

2. Đơn vị đào tạo

a) Xây dựng chương trình đào tạo, đề án mở ngành học mới và trình Đại học Quốc gia Hà Nội thẩm định, phê duyệt, ban hành;

b) Cập nhật, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo điều chỉnh theo phân cấp và quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Xây dựng, nghiệm thu đề cương học phần của các học phần thuộc đơn vị quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 16. Học kỳ

Mỗi năm học có hai học kỳ chính và một học kỳ phụ. Mỗi học kỳ chính có 15 tuần học, từ 3 đến 4 tuần thi và 1 tuần dự phòng.

Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần học và 1 tuần thi, được tổ chức trong thời gian giữa hai học kỳ chính.

Điều 17. Khóa học

1. Thời gian của khóa học

a) Thời gian thiết kế của khóa học đào tạo chính quy là 8 học kỳ chính đối với đào tạo cử nhân, từ 9 đến 10 học kỳ chính đối với đào tạo kĩ sư, 10 học kỳ chính đối với đào tạo dược sĩ, 12 học kỳ chính đối với đào tạo bác sĩ;

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo;

c) Thời gian thiết kế của khóa học đào tạo văn bằng thứ hai do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cho từng sinh viên trên cơ sở khối lượng kiến thức đã được tích lũy và kết quả học tập được bảo lưu, nhưng không vượt quá thời gian thiết kế của chương trình đào tạo chính quy tương ứng;

d) Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học không vượt quá 2 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với mỗi hình thức đào tạo. Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ;

đ) Thời gian khóa học đồng thời hai chương trình đào tạo không vượt quá thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo thứ nhất.

2. Năm đào tạo

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào số tín chỉ tích lũy (không kể các học phần tự chọn tự do, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh và kỹ năng bổ trợ), sinh viên được xếp năm đào tạo như sau:

Năm đào tạo	Chương trình đào tạo chuẩn	Chương trình đào tạo chất lượng cao	Chương trình đào tạo tài năng
Năm thứ nhất	Dưới 35 tín chỉ	Dưới 40 tín chỉ	Dưới 45 tín chỉ
Năm thứ hai	Từ 35 - 70 tín chỉ	Từ 40 – 80 tín chỉ	Từ 45 – 90 tín chỉ
Năm thứ ba	Từ 71 – 105 tín chỉ	Từ 81 – 115 tín chỉ	Từ 91 – 130 tín chỉ
Năm thứ tư	Từ 106 – 140 tín chỉ	Từ 116 – 155 tín chỉ	Từ 131 –170 tín chỉ
Năm thứ năm	Từ 141 – 175 tín chỉ	-	-
Năm thứ sáu	Từ 176 – 225 tín chỉ	-	-

Điều 18. Kế hoạch đào tạo

1. Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành kế hoạch năm học trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2. Trên cơ sở kế hoạch năm học do Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành, đơn vị đào tạo xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo, lịch trình đào tạo chi tiết theo kế hoạch thống nhất, đảm bảo liên thông trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;

3. Đầu khóa học, đơn vị đào tạo thông báo cho sinh viên:

a) Cam kết chất lượng giáo dục;

b) Chương trình đào tạo;

c) Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

d) Điều kiện đảm bảo chất lượng (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, các phòng thí nghiệm, thư viện và hệ thống học liệu);

đ) Thông tin về học phí, học bổng;

e) Quy chế đào tạo và các quy định liên quan tới học tập, rèn luyện, sinh hoạt của sinh viên.

4. Đầu năm học, đơn vị đào tạo thông báo cho sinh viên kế hoạch học tập của năm học.

5. Chậm nhất 01 tháng trước khi học kỳ mới bắt đầu, đơn vị đào tạo thông báo:

a) Thời khóa biểu của lớp học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, gồm các thông tin: tên học phần, số tín chỉ, tên lớp học phần, tiết học, phòng học/địa điểm, số sinh viên tối thiểu, tối đa của lớp học phần, họ và tên, email và số điện thoại liên hệ của giảng viên phụ trách học phần và các thông tin khác;

b) Thời gian và cách thức tổ chức đăng ký học phần;

6. Tùy theo tình hình đăng ký học phần thực tế, đơn vị đào tạo thông báo các học phần không thể tổ chức giảng dạy theo kế hoạch đã công bố sau khi hết hạn đăng ký học phần.

7. Chậm nhất là một tháng sau khi kết thúc năm học, các đơn vị đào tạo nộp báo cáo tổng kết năm học về Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 19. Thời gian hoạt động giảng dạy và học tập

Thời gian hoạt động giảng dạy và học tập theo hình thức đào tạo chính quy của đơn vị đào tạo từ 06 giờ đến 20 giờ hàng ngày (trừ Chủ nhật) và thống nhất trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội. Một tiết học là 50 phút. Thời gian nghỉ giữa hai tiết học không quá 10 phút. Thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của đơn vị đào tạo.

Điều 20. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Lớp khóa học

a) Lớp khóa học được tổ chức cho các sinh viên cùng một ngành học trong cùng một khóa học và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khóa. Phụ trách lớp khóa học là giáo viên chủ nhiệm. Đại diện lớp khóa học là Ban cán sự lớp.

b) Lớp khóa học được gọi tên theo ngành học và năm nhập học của sinh viên, có mã hiệu theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

c) Sinh viên được phép nghỉ học tạm thời, khi trở lại học tiếp, được bố trí vào lớp khóa học phù hợp với khối lượng kiến thức đã tích lũy nhưng giữ nguyên mã sinh viên đã được cấp. Trường hợp sinh viên được bố trí vào lớp khóa học có những học phần trong chương trình đào tạo khác biệt so với chương trình đào tạo mà sinh viên đã theo học trước khi nghỉ học tạm thời, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định cho sinh viên được bảo lưu hoặc phải học bổ sung những học phần tương đương.

2. Lớp học phần

a) Lớp học phần được tổ chức cho sinh viên học cùng một học phần trong cùng một học kỳ. Đơn vị đào tạo phụ trách học phần có trách nhiệm thành lập và quản lý lớp học phần;

b) Tên lớp học phần được gọi theo mã học phần. Một học phần có nhiều lớp học phần, thì tên mỗi lớp sẽ là tên lớp học phần và bổ sung thêm số thứ tự lớp học phần;

c) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học phần. Lớp học phần sẽ không được tổ chức nếu số sinh viên đăng ký ít hơn số lượng sinh viên tối thiểu đã quy định, khi đó sinh viên phải đăng ký học phần khác nếu chưa đủ khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ;

d) Thời khóa biểu của các lớp học phần bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

3. Dạy và học trực tuyến

a) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định tổ chức các lớp học theo phương thức trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học theo phương thức trực tuyến và không thấp hơn chất lượng lớp học theo phương thức trực tiếp;

b) Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, đơn vị đào tạo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 21. Tổ chức đăng ký học phần

1. Số tín chỉ đăng ký học trong mỗi học kỳ chính *(không bao gồm các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ, cải thiện điểm, tự chọn tự do)* đảm bảo điều kiện khối lượng đăng ký tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn *(không tính học kỳ cuối khóa)*.

Trường hợp sinh viên có nguyện vọng đăng ký học ít hơn số tín chỉ tối thiểu trong một học kỳ phải được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đào tạo.

Đối với học kỳ phụ: Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định.

2. Đăng ký học phần

a) Việc tổ chức đăng ký học các học phần trong chương trình đào tạo do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định. Sinh viên được đăng ký học và thi các học phần trong chương trình đào tạo (theo ngôn ngữ quy định) do bất kỳ một đơn vị đào tạo nào thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức giảng dạy. Kết quả các học phần này được chuyển đổi và được công nhận ở tất cả các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và trên trang thông tin điện tử của đơn vị kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu các học phần trước thời gian đăng ký học 01 tháng để sinh viên biết, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên của đơn vị khác đăng ký học phần; chuyển dữ liệu đăng ký học phần, dữ liệu điểm học phần của sinh viên tới đơn vị đào tạo quản lý sinh viên ngay sau khi kết thúc thời gian đăng ký học và kết thúc việc chấm thi;

c) Tất cả các đơn vị đào tạo trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội sử dụng thống nhất phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lý đào tạo, quản lý người học;

d) Khi đăng ký học các học phần tự chọn, sinh viên phải xác định rõ học phần tự chọn có điều kiện hay học phần tự chọn tự do trong chương trình đào tạo. Những học phần tự chọn tự do đạt điểm D trở lên được ghi trong phụ lục văn bằng cấp kèm theo bằng tốt nghiệp, không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

3. Thời gian đăng ký học phần

a) Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để đăng ký các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó;

b) Chậm nhất là 1 tháng trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải hoàn thành đăng ký các học phần;

c) Trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong 1 tuần đầu của học kỳ phụ, sinh viên được phép đăng ký những học phần muốn học thêm hoặc đăng ký đổi sang lớp học phần khác.

4. Đăng ký học lại

a) Đối với các học phần bắt buộc, nếu bị điểm F, sinh viên phải đăng ký học lại học phần đó;

b) Đối với học phần tự chọn có điều kiện, nếu bị điểm F, sinh viên đăng ký học lại học phần đó hoặc đăng ký học học phần tự chọn khác cùng khối kiến thức để thay thế.

5. Đăng ký học cải thiện điểm

Đối với các học phần đạt điểm D, D+, sinh viên được đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần khác (nếu là học phần tự chọn có điều kiện) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm học phần cũ bị hủy bỏ khi việc đăng ký học lại để cải thiện điểm được chấp nhận và sẽ được thay bằng điểm học phần để cải thiện điểm.

6. Kết quả đăng ký học phần

Đơn vị đào tạo thông báo kết quả đăng ký học phần cho sinh viên khi sinh viên đã hoàn thành việc đăng ký đảm bảo khối lượng học tập tối thiểu của học kỳ quy định tại khoản 1, Điều này.

7. Đăng ký đề tài khoá luận hoặc đồ án tốt nghiệp

a) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định

- Điều kiện được đăng ký, quy trình đăng ký nhận đề tài, hình thức và thời gian làm khoá luận hoặc đồ án tốt nghiệp;

- Số lượng khóa luận, đồ án tốt nghiệp tối đa do một giảng viên hướng dẫn trong cùng một thời gian;

- Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn, trách nhiệm của bộ môn đối với sinh viên trong thời gian làm khóa luận, đồ án tốt nghiệp;

- Quy định về trích dẫn và chống đạo văn trong hoạt động học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học;

- Hình thức, quy trình bảo vệ và đánh giá khoá luận, đồ án tốt nghiệp.

b) Hiệu trưởng Trường/Chủ nhiệm khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Chủ nhiệm khoa thuộc trường đại học thành viên phân công cán bộ hướng dẫn khóa luận, đồ án tốt nghiệp theo đề nghị của Chủ nhiệm bộ môn. Đề tài khóa luận, đồ án tốt nghiệp do giảng viên hướng dẫn đề nghị và được thông qua ở cấp bộ môn.

c) Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận hoặc đồ án tốt nghiệp sẽ đăng ký học các học phần thay thế do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định. Các học phần thay thế cho khóa luận, đồ án tốt nghiệp được tổ chức đào tạo, kiểm tra đánh giá như các học phần khác.

Điều 22. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

Các học phần có cùng nội dung, thời lượng mà sinh viên chuyển trường trong và ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội, học liên thông (nếu có), học cùng lúc hai chương trình đào tạo, học tại trường đại học nước ngoài đã tích lũy được xem xét công nhận. Các học phần khác, căn cứ chương trình đào tạo và nội dung đào tạo, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định bảo lưu hoặc tương đương. Điểm và số tín chỉ của các học phần được bảo lưu hoặc tương đương được công nhận và chuyển đổi để lập hồ sơ sinh viên trước khi bắt đầu thực hiện kế hoạch học tập theo chương trình đào tạo mới.

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một hệ thống tính tín chỉ khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác ở trong và ngoài nước được đơn vị đào tạo xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Hội đồng chuyên môn của đơn vị đào tạo xem xét quyết định công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;

b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần, khối kiến thức;

c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

3. Đơn vị đào tạo công khai quy định việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo; riêng đối với ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Công nhận tín chỉ trong trao đổi sinh viên: Việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

Điều 23. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần áp dụng cho các trường hợp:

a) Theo nhu cầu và khả năng lựa chọn của sinh viên;

b) Sau khi đã đăng ký học phần, hạng học lực của sinh viên được xác định là phải rút bớt học phần trong giới hạn khối lượng quy định;

c) Điểm trung bình chung học kỳ dưới 2,00 nhưng chưa thuộc diện bị buộc thôi học, sinh viên được đăng ký học không quá 18 tín chỉ trong mỗi học kỳ chính.

2. Việc rút bớt học phần chỉ được chấp nhận trong 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ và được trả lại học phí. Ngoài thời hạn trên, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học, nếu sinh viên không học sẽ phải nhận điểm F và không được trả lại học phí.

3. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký *(sau khi có danh sách lớp chính thức)*:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi Phòng Đào tạo;

b) Được thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp nhận;

c) Không vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 21 của Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép không lên lớp đối với học phần xin rút bớt sau khi giảng viên phụ trách học phần nhận được giấy báo của Phòng Đào tạo.

Điều 24. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học các học phần giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất

1. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học học phần giáo dục quốc phòng - an ninh

a) Đối tượng được miễn học toàn bộ học phần

- Sinh viên có bằng tốt nghiệp học viện, trường sĩ quan quân đội, công an;

- Sinh viên đã có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh;

- Sinh viên là người nước ngoài.

b) Đối tượng được miễn học, miễn thi học phần, nội dung trong chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh: Sinh viên có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần, nội dung đó đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

c) Đối tượng được miễn học các nội dung thực hành kỹ năng quân sự

- Sinh viên là tu sỹ thuộc các tôn giáo;

- Sinh viên là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;

- Sinh viên không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành;

- Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

d) Đối tượng được tạm hoãn học

- Nữ sinh viên đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ thai sản theo quy định hiện hành;

- Sinh viên vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, phải có giấy xác nhận của bệnh viện nơi sinh viên điều trị;

- Sinh viên bị thiên tai, hỏa hoạn.

Các đối tượng trên nếu được thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận cho tạm hoãn học thì sau khi hết thời hạn tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu theo quy định.

2. Miễn, tạm hoãn học học phần giáo dục thể chất

a) Đối tượng được miễn học toàn bộ học phần: Sinh viên đã hoàn thành học phần giáo dục thể chất phù hợp với trình độ đào tạo.

b) Đối tượng được miễn học các nội dung thực hành: Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên) được miễn học các nội dung thực hành hoặc có thể lựa chọn nội dung đặc thù dành cho người khuyết tật.

c) Đối tượng được tạm hoãn học

- Sinh viên bị ốm đau, tai nạn, thiên tai, hỏa hoạn;

- Nữ sinh viên đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ thai sản theo quy định hiện hành.

Thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét quyết định cho các đối tượng được tạm hoãn học. Hết thời gian tạm hoãn, sinh viên tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong học phần theo quy định.

Điều 25. Đào tạo văn bằng thứ hai

1. Đào tạo văn bằng thứ hai theo hình thức vừa làm vừa học dành cho người đã có bằng đại học.

2. Chương trình đào tạo văn bằng thứ hai được xác định cho người học theo nguyên tắc: người học được bảo lưu kết quả học tập đối với những học phần trong chương trình đào tạo ngành học thứ nhất có từ 80% trở lên nội dung tương đương với nội dung học phần trong chương trình đào tạo của ngành học mới và điểm học phần đạt từ điểm D trở lên; những học phần có nội dung tương đương từ 50% đến dưới 80% thì người học không được bảo lưu kết quả học tập nhưng có thể tự học và dự thi để lấy điểm; những học phần chưa học hoặc có nội dung tương đương dưới 50% thì người học phải dự học mới được dự thi theo quy định chung.

3. Căn cứ kết quả học tập trên phụ lục văn bằng kèm theo bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc bảo lưu kết quả học tập, khối lượng kiến thức, các học phần và nội dung phải học bổ sung cho từng sinh viên.

4. Đơn vị đào tạo phải công bố công khai tiêu chí, quy trình về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng (nếu có) đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo văn bằng thứ hai trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo trước khi tổ chức đào tạo.

Điều 26. Học cùng lúc hai chương trình đào tạo

1. Sinh viên đang học tại các đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội theo hình thức đào tạo chính quy được đăng ký học thêm một chương trình đào tạo thứ hai nếu có đủ các điều kiện:

a) Ngành học chính của chương trình đào tạo thứ hai phải khác ngành học chính của chương trình đào tạo thứ nhất;

b) Đã học ít nhất hai học kỳ của chương trình đào tạo thứ nhất;

c) Điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học đến thời điểm đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai đạt từ 2,5 trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh hoặc điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học đến thời điểm đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai đạt từ 2,0 trở lên và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

d) Sinh viên có đơn xin học thêm chương trình đào tạo thứ hai và trả học phí theo quy định của đơn vị đào tạo.

2. Đơn vị tổ chức chương trình đào tạo thứ hai đề xuất, tổ chức thẩm định các học phần cần tích lũy để hoàn thành chương trình đào tạo thứ hai và công nhận những học phần tương đương của chương trình đào tạo thứ nhất *(so với chương trình đào tạo thứ hai)*. Các trường đại học thành viên báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội cho ý kiến trước khi triển khai chương trình đào tạo thứ hai, các trường/khoa trực thuộc trình Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, phê duyệt.

3. Căn cứ chỉ tiêu được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội giao hàng năm, thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức tuyển sinh cho hình thức học cùng lúc hai chương trình đào tạo.

4. Trong quá trình học cùng lúc hai chương trình đào tạo, sinh viên chỉ cần tích lũy một lần các học phần chung, tương đương và phải tích lũy đủ các học phần còn lại của hai chương trình đào tạo. Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu của cả hai chương trình đào tạo, khi tốt nghiệp được cấp hai bằng.

5. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

6. Đơn vị tổ chức chương trình đào tạo thứ nhất và thứ hai cập nhật kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ lên Cổng thông tin đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung tích luỹ của chương trình đào tạo thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình đào tạo thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách học chương trình đào tạo thứ hai.

7. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu được công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo thứ nhất, không vượt quá thời gian đào tạo tối đa và đã đăng kí muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

Điều 27. Tuyển chọn và tổ chức giảng dạy, chuyển đổi sinh viên giữa các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao

1. Tuyển chọn

Việc tuyển chọn sinh viên vào học chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao theo chuẩn của Đại học Quốc gia Hà Nội được thực hiện theo hình thức thi tuyển và xét tuyển.

a) Xét tuyển thẳng

Những sinh viên thuộc một trong các diện sau sẽ được xét tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao:

- Thành viên đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế về môn học phù hợp với ngành học;

- Học sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia có môn thi phù hợp với ngành học.

b) Xét tuyển

Sinh viên trúng tuyển nhập học vào Đại học Quốc gia Hà Nội được đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao nếu đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vào chương trình đào tạo tương ứng kể trên theo tổ hợp xét tuyển. Điểm ngưỡng đăng ký dự tuyển vào các chương trình đào tạo này do các đơn vị quy định nhưng tối thiểu bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển vào ngành/chương trình đào tạo chuẩn tương ứng. Các đơn vị xây dựng quy trình, tiêu chí xét tuyển, phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho các chương trình đào tạo này và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội trước khi thực hiện.

2. Tổ chức giảng dạy các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao

a) Đơn vị đào tạo huy động những giảng viên giỏi, có năng lực và thành tích nghiên cứu khoa học tốt, có kinh nghiệm đào tạo và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học ở trong và ngoài đơn vị đào tạo tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp trong các chương trình đào tạo này;

b) Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tiên tiến, công nghệ dạy học hiện đại; tăng cường thuyết trình kèm theo đối thoại; thảo luận nhóm theo chủ đề; sử dụng công nghệ, trang thiết bị hiện đại nhằm phát huy tính chủ động khám phá tri thức cho người học ở các bậc nhận thức cao;

c) Tăng cường tự học, học theo nhóm, giảng viên giao bài tập, bài tiểu luận học phần, bài thuyết trình cho sinh viên hay nhóm sinh viên chuẩn bị và chia nhóm thảo luận, đánh giá; Giảng viên giải đáp, phân tích, tổng kết;

d) Hướng dẫn sinh viên phương pháp học, phương pháp trình bày, tham gia nghiên cứu khoa học;

đ) Bố trí thời gian học trên lớp tối đa 70% tổng thời lượng học phần, dành thời gian còn lại cho sinh viên tự học, nhưng giảng viên phải có nội dung, chương trình, tài liệu cho phần tự học, tự nghiên cứu và phải có kế hoạch, biện pháp kiểm tra, đánh giá phần tự học; tăng lượng thông tin của mỗi tiết giảng;

e) Đối với các học phần chuyên môn thuộc khối kiến thức cơ bản trùng với học phần mà sinh viên đã đạt giải quốc gia, quốc tế, sinh viên có thể đăng ký tự học và nếu được thủ trưởng đơn vị đào tạo đồng ý, sinh viên có thể không lên lớp thường xuyên, nhưng phải dự thi tích lũy học phần;

g) Tổ chức hội thảo chuyên môn ở các năm cuối; tăng cường phương pháp học tập gắn với nghiên cứu nhằm phát triển khả năng tư duy độc lập, sáng tạo. Tăng cường các giờ học thực hành, thực tập, thực tiễn; kết hợp học tập với nghiên cứu khoa học để nâng cao hiệu quả tiếp thu học phần. Chậm nhất từ học kỳ thứ tư, mỗi sinh viên được một giảng viên hướng dẫn nghiên cứu khoa học;

h) Khuyến khích sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy một số học phần, nhất là các học phần chuyên sâu. Khuyến khích sinh viên sử dụng trực tiếp các giáo trình, tài liệu bằng tiếng nước ngoài song song với các giáo trình, tài liệu tiếng Việt. Khuyến khích sinh viên tham gia các chương trình trao đổi sinh viên với các trường đại học nước ngoài ít nhất 1 học kỳ;

i) Tạo điều kiện cho sinh viên sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin và các trang thiết bị nghiên cứu hiện đại khác. Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho sinh viên.

3. Chuyển sinh viên đang học chương trình đào tài năng, chất lượng cao sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy của ngành học tương ứng.

a) Sinh viên học chương trình đào tạo này chưa bị buộc thôi học phải chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy của ngành học tương ứng nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:

- Có một học phần nâng cao, bổ sung đạt điểm F;

- Có điểm trung bình chung các học phần tính đến thời điểm xét, đạt dưới 2,5;

- Bị kỷ luật trong thời gian học từ mức khiển trách trở lên.

b) Khi chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy, các học phần nâng cao, bổ sung được chuyển đổi như sau:

- Đối với học phần nâng cao, điểm học phần được giữ nguyên, số tín chỉ được quy đổi theo chương trình đào tạo chuẩn;

- Đối với học phần bổ sung, thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét cho phép thay thế bằng học phần khác trong chương trình đào tạo chuẩn hoặc xác nhận là học phần tự chọn tự do.

4. Bổ sung sinh viên học chương trình đào tạo chuẩn chính quy vào học chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao.

a) Căn cứ chỉ tiêu đào tạo đã công bố, thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức xét tuyển bổ sung sinh viên vào học chương trình đào này nếu có đủ các điều kiện sau:

- Không là sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối;

- Có tố chất, đam mê và năng lực nghiên cứu khoa học;

- Ngành học phù hợp với ngành có chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao;

- Điểm trung bình chung các học phần tính đến thời điểm xét đạt tối thiểu 3,0 và trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3 trở lên;

- Điểm các học phần tương ứng với học phần trong chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao phải đạt từ B trở lên;

- Hoàn thành bài kiểm tra đánh giá xét chuyển đổi chương trình đào tạo do đơn vị đào tạo quy định;

- Tư cách đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật tốt.

b) Đối với việc chuyển đổi điểm học phần trong chương trình đào tạo chuẩn sang điểm học phần nâng cao tương ứng, thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét công nhận tương đương hoặc yêu cầu học bổ sung kiến thức.

Điều 28. Chuyển ngành học

1. Sinh viên hoàn thành năm học thứ nhất được xem xét chuyển sang học một ngành học khác nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đáp ứng điều kiện trúng tuyển của ngành muốn chuyển sang học;

b) Có số tín chỉ tích lũy tối thiểu bằng khối lượng thiết kế theo kế hoạch học tập chuẩn của chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung các học phần tính đến thời điểm xét đạt từ 2,50 trở lên;

d) Không bị cảnh báo học tập hoặc bị xét thi hành kỷ luật;

đ) Đơn vị đào tạo còn chỉ tiêu đối với ngành đào tạo sinh viên muốn chuyển đến;

e) Được sự đồng ý của Chủ nhiệm Khoa/Bộ môn (đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo) và thủ trưởng đơn vị đào tạo (đối với các trường thành viên), Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (đối với các đơn vị đào tạo trực thuộc).

2. Không xem xét chuyển ngành học đối với sinh viên đã học từ năm thứ hai.

3. Kết quả học tập của các học phần đã tích lũy của sinh viên chuyển ngành hoặc chuyển hình thức đào tạo sẽ được xem xét để bảo lưu và công nhận tương đương theo các học phần trong ngành mới.

Điều 29. Chuyển trường

1. Sinh viên được chuyển đi học tại cơ sở giáo dục đại học khác ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội khi được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đào tạo.

2. Sinh viên là người Việt Nam hoặc sinh viên người nước ngoài đang học tại các cơ sở giáo dục đại học ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội được chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Có nguyện vọng chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Không là sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối, có điểm trung bình chung các học phần tính đến thời điểm xét đạt từ 2,50 trở lên;

c) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại đơn vị chuyển đến;

d) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng và chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

đ) Được sự đồng ý của hiệu trưởng đơn vị đào tạo xin chuyển đi và đơn vị đào tạo xin chuyển đến; Đối với các đơn vị đào tạo trực thuộc phải được sự đồng ý của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

e) Có đủ sức khỏe để học tập;

g) Không thuộc diện bị buộc thôi học, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Sinh viên là người nước ngoài hoặc sinh viên Việt Nam đang học tại một cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài có thể được xét để chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và phải có đầy đủ hồ sơ sinh viên *(bản chính)* khi làm thủ tục chuyển trường.

Các điều kiện về trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ (là ngôn ngữ học tập trong chương trình đào tạo):

a) Có trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ cần dùng đạt chuẩn bậc 4 trở lên trước khi được tiếp nhận vào học. Việc kiểm tra do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (đối với tiếng Việt) và Trường Đại học Ngoại ngữ (đối với ngoại ngữ) tổ chức thực hiện.

b) Được miễn kiểm tra tiếng Việt hoặc ngoại ngữ nếu thuộc một trong các trường hợp:

- Là công dân sử dụng ngoại ngữ cần dùng như ngôn ngữ chính thức;

- Đã tốt nghiệp đại học bằng ngoại ngữ cần dùng;

- Có chứng chỉ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ đạt bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trở lên;

- Sinh viên chuyển trường được bảo lưu điểm và số tín chỉ của học phần theo quy định tại Điều 22 và được miễn học, miễn thi các học phần giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này.

4. Trường hợp đặc biệt, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

Điều 30. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được tổ chức dưới các hình thức:

1. Tham gia câu lạc bộ khoa học sinh viên, sinh hoạt chuyên đề khoa học, báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học, công bố bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành.

2. Tham gia khảo sát thực địa, thực tập thực tế, thực nghiệm khoa học, thực hiện khóa luận, đồ án tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học vào thực tế.

Điều 31. Tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Công tác tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được phân cấp như sau:

1. Đơn vị đào tạo

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong nhiệm vụ năm học của đơn vị;

b) Triển khai nghiên cứu khoa học của sinh viên gắn với các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và các hoạt động khoa học khác của đơn vị. Tạo điều kiện để sinh viên được tham gia nghiên cứu, trở thành thành viên của các nhóm nghiên cứu và tham gia thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ;

c) Tổ chức hội nghị khoa học sinh viên, đánh giá, xếp loại, khen thưởng công trình nghiên cứu của sinh viên;

d) Thành lập các câu lạc bộ khoa học sinh viên, tổ chức sinh hoạt chuyên đề khoa học;

đ) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể số lượng giờ chuẩn giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học trên mỗi một công trình.

2. Đại học Quốc gia Hà Nội

Tổ chức xét, trao giải thưởng cho các công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 32. Điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên

1. Điểm thưởng cho những công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên đạt giải được cộng vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy để làm căn cứ xét học bổng, xét chuyển tiếp vào học ở bậc sau đại học và các quyền lợi khác, không dùng để xếp loại học lực hoặc xác định hạng tốt nghiệp.

2. Mức điểm thưởng được quy định như sau:

a) Đạt giải thưởng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Giải nhất:	0,20 điểm
Giải nhì:	0,15 điểm
Giải ba:	0,10 điểm
Giải khuyến khích:	0,07 điểm

b) Đạt giải thưởng cấp đơn vị đào tạo:

Giải nhất:	0,10 điểm
Giải nhì:	0,07 điểm
Giải ba:	0,05 điểm

Nếu công trình nghiên cứu khoa học do nhiều sinh viên cùng thực hiện thì điểm thưởng được chia đều cho số sinh viên cùng tham gia.

Đối với các sinh viên có công bố quốc tế, trong nước, bằng sở hữu trí tuệ được cộng không quá 0,2 điểm, mức điểm cụ thể do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định bằng văn bản.

3. Nếu sinh viên đạt nhiều giải thưởng nghiên cứu khoa học ở các cấp thì chỉ cộng điểm thưởng một lần ở mức giải cao nhất.

4. Công trình nghiên cứu khoa học được tính như một niên luận hoặc tiểu luận; được thay cho một học phần tự chọn có điều kiện thuộc khối kiến thức ngành sẽ được tích lũy vào kết quả học tập chung của học kỳ; được tính đến khi xét học bổng, xét học tiếp sau đại học và các quyền lợi khác, nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Được Hội đồng cấp khoa đánh giá cho điểm (quy về thang điểm 10) và quyết định thay cho học phần nào trong chương trình đào tạo của ngành học; Nếu công trình nghiên cứu khoa học do nhiều sinh viên cùng thực hiện thì sinh viên được hưởng quyền lợi như nhau;

b) Sinh viên có nguyện vọng.

Chương V
GIẢNG VIÊN, GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM VÀ CỐ VẤN HỌC TẬP

Điều 33. Giảng viên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên

a) Thực hiện nhiệm vụ của viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Viên chức và pháp luật có liên quan; giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; tham gia quản lý đơn vị đào tạo, tham gia công tác Đảng, đoàn thể khi được tín nhiệm và các công tác khác được trường, khoa, bộ môn giao.

b) Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của đơn vị đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

c) Ngoài những nghĩa vụ chung đối với giảng viên, các giảng viên tham gia đào tạo tài năng, chất lượng cao còn có trách nhiệm sau:

- Truyền thụ và tạo lập cho sinh viên hoài bão khoa học, niềm say mê học tập, nghiên cứu khoa học, tư duy khoa học và năng lực sáng tạo, động viên, khuyến khích sinh viên rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức tác phong của người cán bộ nghiên cứu khoa học;

- Tự giác áp dụng và hướng dẫn sinh viên áp dụng phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá tiên tiến phù hợp;

- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học;

- Cung cấp học liệu cho sinh viên trước giờ lên lớp ở một trong các dạng sau: giáo trình; bài giảng; đề cương chi tiết bài giảng cùng danh mục tài liệu tham khảo có trong thư viện. Nội dung bài giảng phải cơ bản, hiện đại, trình bày được các thành tựu nghiên cứu mới trong nước và quốc tế, phù hợp với mục tiêu đào tạo, giới thiệu các tài liệu tham khảo phong phú cho sinh viên;

- Đảm bảo khối kiến thức thực hành được thực hiện với các trang thiết bị tốt nhất của đơn vị đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Khai thác và sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cải tiến và đổi mới phương pháp giảng dạy;

- Tham gia đánh giá, phân loại chất lượng học tập của sinh viên.

2. Quyền lợi của giảng viên

a) Được hưởng các quyền lợi chung và ưu đãi do nhà nước quy định, các chế độ bồi dưỡng, thù lao theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Ngoài các quyền lợi chung, giảng viên tham gia chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao được hưởng các quyền lợi sau:

- Được hưởng kinh phí khi tham gia các hoạt động hướng dẫn học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên tài năng, chất lượng cao trong cùng một thời gian được hưởng bồi dưỡng mức tương đương 3 giờ lên lớp lý thuyết/tháng/1 nhóm từ 1-3 sinh viên; với các nhóm nhiều hơn 3 sinh viên được nhận hỗ trợ với hệ số tăng theo quy định của đơn vị đào tạo;

- Được ưu tiên trong xét chọn giao các đề tài khoa học công nghệ; ưu tiên cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước; tham gia các hội đồng khoa học, hội đồng tư vấn, hội đồng thẩm định, biên soạn giáo trình, bài giảng;

- Được đề xuất và khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các ý tưởng đổi mới hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng cá thể hóa;

- Được ưu tiên xét chọn và cử dự thi nâng ngạch giảng viên; hoặc được ưu tiên tuyển dụng làm giảng viên, viên chức ở Đại học Quốc gia Hà Nội (đối với người chưa được tuyển dụng);

- Được ưu tiên tạo diều kiện thực tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước.

3. Tiêu chuẩn giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao

Ngoài các tiêu chuẩn chung đối với giảng viên, giảng viên tham gia đào tạo các chương trình đào này cần đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có học vị từ tiến sĩ trở lên; có thể giảng dạy và trao đổi chuyên môn bằng tiếng nước ngoài phù hợp với chương trình đào tạo; có khả năng giao tiếp chuyên môn bằng tiếng Anh; có năng lực và phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu tiên tiến; có năng lực áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến;

- Có năng lực và có khả năng tổ chức nghiên cứu khoa học, tham gia nhóm nghiên cứu, sẵn sàng làm việc trong một tập thể hoặc nhóm nghiên cứu của đơn vị và của Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Có mối quan hệ và có khả năng hợp tác với các nhà khoa học, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước;

- Chủ trì/tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, có bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có điểm công trình là 1 điểm trở lên do Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước quy định hoặc có sách chuyên khảo/bằng phát minh, sáng chế/giải pháp hữu ích;

- Có nguyện vọng và tâm huyết tham gia đào tạo tài năng, chất lượng cao.

Điều 34. Giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập

1. Giáo viên chủ nhiệm là giảng viên đã hết thời gian tập sự theo quy định, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, có trách nhiệm, tận tâm với công việc được giao; Cố vấn học tập là cán bộ có trình độ thạc sĩ trở lên, có ít nhất 2 năm trực tiếp giảng dạy, am hiểu chương trình đào tạo. Các trường hợp đặc biệt do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định.

2. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định phương thức tổ chức hoạt động của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập.

3. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập

a) Nắm vững chương trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Hướng dẫn phương pháp học tập, nghiên cứu, phát triển các kỹ năng cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên;

c) Giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút;

d) Phối hợp với Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị liên quan để tạo điều kiện cho sinh viên học tập, đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên.

4. Quyền lợi của cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm

a) Được giảm số giờ dạy định mức, hưởng phụ cấp theo quy định của đơn vị đào tạo;

b) Được bố trí thời gian tham gia khóa tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

Chương VI
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA SINH VIÊN

Điều 35. Nghĩa vụ của sinh viên

1. Thực hiện nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật. Sinh viên là người nước ngoài phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng phong tục, tập quán của Việt Nam.

2. Thực hiện đúng các quy chế, quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo về công tác sinh viên.

3. Những việc sinh viên không được làm: Sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả; vi phạm kỷ luật phòng thi, xin điểm; học, thi, thực tập hộ người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập hộ; sao chép tài liệu mà không trích dẫn hoặc nhờ làm hộ tiểu luận, khóa luận, đồ án tốt nghiệp, công trình nghiên cứu khoa học; thực hiện, tham gia các hoạt động trái pháp luật.

Sinh viên không trung thực và có hành vi gian lận trong nghiên cứu khoa học, làm tiểu luận, khóa luận, đồ án tốt nghiệp, bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập một năm đến mức buộc thôi học.

4. Sinh viên có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về kỷ luật phòng thi, nếu vi phạm sẽ bị kỷ luật ở các mức sau:

a) Khiển trách: Áp dụng đối với sinh viên phạm lỗi 1 lần nhìn bài của người khác, trao đổi bài, thảo luận bài trong giờ thi. Sinh viên bị khiển trách khi thi học phần nào sẽ bị trừ 25% số điểm đạt được của bài thi học phần đó;

b) Cảnh cáo: áp dụng đối với sinh viên vi phạm một trong các lỗi:

- Đã bị khiển trách 1 lần nhưng trong giờ thi học phần đó vẫn tiếp tục vi phạm quy định;

- Trao đổi bài làm, giấy nháp với người khác;

- Chép bài của người khác. Những bài thi đã có kết luận là giống nhau thì xử lý như nhau, trừ trường hợp người bị xử lý có đủ bằng chứng chứng tỏ mình thực sự bị quay cóp thì thủ trưởng đơn vị đào tạo có thể xem xét giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách.

Sinh viên bị cảnh cáo khi thi học phần nào sẽ bị trừ 50% số điểm đạt được

của bài thi học phần đó.

c) Đình chỉ thi: Áp dụng đối với sinh viên vi phạm một trong các lỗi:

- Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ thi học phần đó vẫn tiếp tục vi phạm quy định;

- Sau khi bóc đề thi bị phát hiện mang theo những vật dụng không được phép;

- Đưa đề thi ra ngoài hoặc nhận bài, tài liệu từ ngoài vào phòng thi.

Sinh viên bị kỷ luật đình chỉ thi sẽ bị điểm không (0) bài thi học phần đó và phải ra khỏi phòng thi ngay sau khi có quyết định đình chỉ thi.

Các hình thức kỷ luật nói trên do cán bộ coi thi lập biên bản, thu tang vật và ghi rõ hình thức kỷ luật.

d) Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm nếu vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học nếu vi phạm lần thứ hai.

Ngoài những nghĩa vụ chung như đối với sinh viên chương trình đào tạo chuẩn, sinh viên tài năng, chất lượng cao phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo đối với chương trình đào tạo này;

- Thường xuyên phản ánh tình hình học tập, nghiên cứu, sinh hoạt và rèn luyện cho đơn vị đào tạo thông qua giảng viên hướng dẫn học tập, nghiên cứu khoa học;

- Hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn chuẩn (không tính thời gian kéo dài);

- Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn, tham gia các nhóm nghiên cứu;

- Sinh viên không tiếp tục theo học chương trình đào tạo đã đăng ký học sẽ phải bồi hoàn kinh phí đào tạo đã được cấp.

Điều 36. Quyền lợi của sinh viên

1. Được hưởng đầy đủ chế độ, chính sách hiện hành của Đảng, Nhà nước cũng như các quy chế, quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo.

2. Được phép thôi học vì lý do chủ quan của cá nhân, trong trường hợp này, sinh viên phải hoàn trả cho đơn vị đào tạo toàn bộ kinh phí đào tạo từ ngân sách nhà nước trong thời gian theo học.

3. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a) Được động viên vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải học tối thiểu 01 học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy tối thiểu 2,0. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian tối đa được phép học.

Sinh viên nghỉ học tạm thời nếu muốn học tiếp phải có đơn đề nghị thủ trưởng đơn vị đào tạo giải quyết chậm nhất 2 tuần trước khi hết thời hạn nghỉ học tạm thời.

Các đối tượng ở điểm a, b,c khoản 3, Điều này thời gian nghỉ học tạm thời không tính vào thời gian tối đa được phép học.

4. Ngoài những quyền lợi chung đối với sinh viên chương trình đào tạo chuẩn, sinh viên thuộc chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao còn được hưởng các quyền lợi sau:

a. Được các nhà khoa học đầu ngành, các giáo sư, giảng viên có trình độ, kinh nghiệm và có uy tín trong nước, quốc tế trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu khoa học;

b. Được ưu tiên cung cấp hoặc sử dụng các tài liệu học tập; được ưu tiên sử dụng các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, thư viện và hệ thống internet phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học;

c. Được ưu tiên xét cấp học bổng khuyến khích phát triển và học bổng của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước. Những sinh viên ở xa được ưu tiên bố trí chỗ ở trong ký túc xá;

d. Được ưu tiên xét chọn đi học ở nước ngoài hoặc theo các chương trình hợp tác quốc tế của Đại học Quốc gia Hà Nội, của đơn vị đào tạo.

Chương VII
KIỂM TRA, THI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 37. Đánh giá kết quả học phần

1. Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: điểm đánh giá bộ phận (trung bình của các điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ) và điểm đánh giá kết thúc học phần, trong đó, điểm kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần.

2. Kiểm tra đánh giá thường xuyên là hoạt động của giảng viên sử dụng các kỹ thuật đánh giá khác nhau trong các hình thức dạy học nhằm kiểm tra việc nắm vững kiến thức và rèn luyện kỹ năng đã được xác định trong mục tiêu của học phần, đồng thời qua đó có được những thông tin phản hồi giúp giảng viên, sinh viên điều chỉnh cách dạy, cách học, thay đổi phương pháp dạy và học cho phù hợp.

3. Kiểm tra đánh giá giữa kỳ là hoạt động của giảng viên vào những thời điểm đã được quy định trong đề cương học phần, nhằm đánh giá mức độ đạt mục tiêu học phần ở giai đoạn tương ứng của sinh viên.

4. Bài thi kết thúc học phần có thể thực hiện bằng hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, làm bài tập lớn hoặc kết hợp các hình thức trên.

5. Phương pháp đánh giá, hình thức kiểm tra đánh giá học phần, trọng số của các điểm kiểm tra đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần.

6. Nội dung kiểm tra đánh giá phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong đề cương học phần. Đáp án và thang điểm chấm điểm bộ phận, chấm bài thi kết thúc học phần phải được biên soạn cùng với đề kiểm tra đánh giá, đề thi. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định việc sử dụng đề kiểm tra, đề thi do giảng viên đề xuất hoặc lấy từ ngân hàng câu hỏi.

Điều 38. Tổ chức kiểm tra đánh giá và thi kết thúc học phần

1. Việc kiểm tra đánh giá và chấm điểm bộ phận của mỗi học phần do giảng viên lớp học phần trực tiếp thực hiện và thông báo kết quả cho sinh viên, chậm nhất 7 ngày làm việc kể từ sau ngày kiểm tra hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

Sinh viên chưa có điểm đánh giá bộ phận vì có lý do chính đáng được Chủ nhiệm Khoa/Bộ môn và giảng viên đồng ý tổ chức kiểm tra đánh giá bổ sung cho sinh viên.

Sinh viên chỉ được dự thi kết thúc học phần nếu có điểm đánh giá bộ phận lớn hơn 0, trả học phí đầy đủ và đáp ứng các điều kiện kết thúc học phần do thủ trưởng đơn vị phụ trách học phần quy định.

2. Đơn vị đào tạo tổ chức thi kết thúc học phần. Đối với các học phần chung thực hiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Cuối mỗi học kỳ, đơn vị đào tạo tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện tổ chức thêm một kỳ thi phụ. Đối với mỗi học phần, sinh viên chỉ được dự thi một lần trong cùng một kỳ thi. Kỳ thi phụ chỉ dành cho những sinh viên chưa dự kỳ thi chính vì lý do chính đáng và được thủ trưởng đơn vị đào tạo cho phép.

3. Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước ít nhất 1 tháng, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước ít nhất 1 tuần. Trong kỳ thi, từng học phần được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số học phần trong cùng một buổi thi của một sinh viên.

4. Chậm nhất một ngày sau khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên gửi danh sách sinh viên được dự thi, không được dự thi kết thúc học phần (có nêu rõ lý do) về Phòng Đào tạo. Căn cứ đề nghị của giảng viên và nghĩa vụ khác của sinh viên, Phòng Đào tạo lập danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi và phân phòng thi.

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể quy trình coi thi và chấm thi. Các học phần kỹ năng bổ trợ được tổ chức thi và cấp chứng chỉ tại đơn vị phụ trách đào tạo kỹ năng bổ trợ.

6. Việc chấm thi và công bố điểm học phần được hoàn thành chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thi kết thúc học phần. Thủ trưởng đơn vị đào tạo qui định quy trình thực hiện và quản lý các điểm bộ phận, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần.

7. Đề thi, đáp án và tất cả các bài thi kết thúc học phần sau khi chấm xong phải được bảo quản và lưu trữ ít nhất hai năm kể từ ngày thi. Bảng điểm bộ phận, danh sách thi kết thúc học phần và bảng tổng hợp điểm của học phần (file điện tử) là tài liệu lưu trữ vĩnh viễn của đơn vị đào tạo.

8. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không). Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được thi bổ sung vào kỳ thi phụ như qui định tại khoản 2, Điều này hoặc được bảo lưu các điểm thành phần và được dự thi kết thúc học phần vào học kỳ sau.

9. Ngoài các quy định trên, việc tổ chức kiểm tra, đánh giá và thi kết thúc học phần đối với sinh viên các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao được thực hiện như sau:

- Các học phần có nội dung trùng với chương trình đào tạo chuẩn có thể được tổ chức thi chung đề với chương trình đào tạo chuẩn chính quy. Các học phần nâng cao, bổ sung được tổ chức thi đề riêng;

- Điểm các học phần nâng cao, bổ sung được quy đổi để ghi vào phụ lục văn bằng và xếp loại học tập đối với những sinh viên chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy hoặc để làm căn cứ xét học bổng, xét chuyển tiếp sinh đào tạo sau đại học và các quyền lợi khác theo công thức sau:

+ Các điểm từ 4 đến 9 được tăng lên 1 điểm;

+ Các điểm 0, 1, 2, 3 và 10 giữ nguyên.

- Hình thức kiểm tra, đánh giá: Bên cạnh hình thức thi viết truyền thống, tăng cường các hình thức thi vấn đáp và thi trắc nghiệm, đồng thời sử dụng những phần mềm chuyên dụng để sinh viên tự kiểm tra, đánh giá. Đối với một số học phần có thể đánh giá kết quả học tập qua hoạt động seminar, tự học ở nhà, thực tập thực tế và viết tiểu luận.

Điều 39. Bảo vệ và đánh giá khóa luận, đồ án tốt nghiệp

1. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể về quy trình thực hiện bảo vệ và đánh giá khóa luận, đồ án tốt nghiệp; quyết định thành lập Hội đồng bảo vệ và đánh giá khoá luận hoặc đồ án tốt nghiệp gồm ít nhất 3 thành viên do Chủ nhiệm khoa (đối với trường đại học thành viên) hoặc Chủ nhiệm bộ môn (đối với Trường/Khoa trực thuộc) đề nghị; trong trường hợp đơn vị không thể tổ chức bảo vệ khóa luận, đồ án trực tiếp thì việc tổ chức được thực hiện trực tuyến khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ theo quy định.

2. Khoá luận, đồ án tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10, có lẻ đến một chữ số thập phân và được quy đổi sang điểm chữ theo quy định tại khoản 2, Điều 41 của Quy chế này. Điểm khoá luận, đồ án tốt nghiệp được thông báo công khai chậm nhất là một tuần sau khi các Hội đồng chấm khóa luận, đồ án tốt nghiệp hoàn thành nhiệm vụ.

3. Điểm khoá luận, đồ án tốt nghiệp hoặc điểm các học phần thay thế được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

4. Sinh viên có khoá luận hoặc đồ án tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khoá luận, đồ án tốt nghiệp hoặc phải đăng ký học các học phần thay thế theo quy định.

5. Đối với sinh viên các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao: Đề tài khoá luận phải đặt mục dích giải quyết một vấn đề có ý nghĩa lý luận hoặc thực tiễn trong lĩnh vực khoa học liên quan và phải gắn với đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên hướng dẫn; khóa luận phải chứa đựng yếu tố mới và sáng tạo, đảm bảo độ chính xác và tin cậy cao, trình bày mạch lạc, rõ ràng, có thể công bố trên tạp chí khoa học hoặc báo cáo ở hội nghị khoa học. Khuyến khích sinh viên chương trình đào tạo tài năng viết khoá luận bằng ngoại ngữ; nếu viết bằng tiếng Việt thì phải có bản tóm tắt nội dung bằng ngoại ngữ gồm ít nhất là 2 trang khổ A4. Hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp do thủ trưởng đơn vị đào tạo hoặc Chủ nhiệm khoa/Bộ môn được thủ trưởng đơn vị đào tạo ủy quyền ra quyết định thành lập. Hội đồng tối thiểu gồm 5 người, trong đó có 2 phản biện.

Điều 40. Kỷ luật đối với cán bộ coi thi, tổ chức thi, chấm thi

Người tham gia công tác coi thi, tổ chức thi, chấm thi vi phạm quy định (bị phát hiện trong hoặc sau khi thực hiện nhiệm vụ), tùy theo mức độ sẽ bị kiểm điểm và thi hành kỷ luật theo các hình thức sau:

1. Khiển trách: áp dụng đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau: đến chậm giờ quy định, không ký vào giấy thi, giấy nháp của sinh viên, không tập trung khi coi thi, bỏ 1 buổi coi thi không có lý do chính đáng.

2. Cảnh cáo: áp dụng đối với những người vi phạm một trong các lỗi:

a) Bỏ 2 buổi coi thi trở lên không có lý do chính đáng trong một năm học;

b) Trong giờ coi thi bỏ đi làm việc khác;

c) Để sinh viên quay cóp, mang và sử dụng tài liệu trái phép trong khi thi;

d) Không lập biên bản những sinh viên đã bị phát hiện có vi phạm quy chế;

đ) Làm mất bài thi;

e) Chấm thi hay cộng điểm bài thi có sai sót nhiều.

3. Hạ tầng công tác hoặc buộc thôi việc được áp dụng đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau:

a) Làm lộ đề thi;

b) Đưa đề thi ra ngoài, đưa bài giải từ ngoài vào phòng thi hoặc giúp sinh viên làm bài thi trong lúc đang thi;

c) Làm lộ phách bài thi;

d) Gian lận trong khi chấm thi; cho điểm không đúng quy định, chủ định tăng hoặc hạ điểm của bài thi so với đáp án;

đ) Sửa chữa, thêm bớt vào bài làm của sinh viên để tăng hay hạ điểm;

e) Sửa chữa làm sai lệch điểm trên bài thi, biên bản chấm thi hoặc sổ điểm;

g) Đánh tráo bài thi hoặc điểm thi của sinh viên.

Điều 41. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẻ đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được quy định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

a) Loại đạt có phân mức:

9,0 – 10	tương ứng với	A^+
8,5 – 8,9	tương ứng với	A

8,0 – 8,4	tương ứng với	B^+
7,0 – 7,9	tương ứng với	B
6,5 – 6,9	tương ứng với	C^+
5,5 – 6,4	tương ứng với	C
5,0 – 5,4	tương ứng với	D^+
4,0 – 4,9	tương ứng với	D

b) Loại đạt không phân mức: áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập; P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt: Dưới 4,0 tương ứng với F

d) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I - Chưa đủ điểm đánh giá bộ phận

X - Chưa có kết quả thi kết thúc học phần

đ) Đối với những học phần được Thủ trưởng đơn vị đào tạo cho phép công nhận tín chỉ, chuyển điểm hoặc được đánh giá đầu học kỳ (nếu có), khi xếp mức đánh giá sử dụng ký hiệu R viết sau điểm học phần.

3. Việc xếp loại các mức điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận;

b) Chuyển đổi từ mức đánh giá I, sau khi đã có các kết quả điểm đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ mức đánh giá X sau khi nhận được kết quả thi kết thúc học phần.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F, ngoài những trường hợp như đã quy định tại khoản 2, Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức đánh giá I được áp dụng cho các trường hợp:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học phần, sinh viên bị ốm hoặc bị tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, được Thủ trưởng đơn vị đào tạo cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì lý do khách quan và được Thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định, trong học kỳ kế tiếp, sinh viên nhận mức đánh giá I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức đánh giá X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo chưa nhận được kết quả thi kết thúc học phần của sinh viên từ giảng viên phụ trách học phần.

Điều 42. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kỳ chính theo các tiêu chí sau:

1. Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của những học phần (không tính học phần tự chọn tự do) mà sinh viên đã đăng ký học trong học kỳ.

2. Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt, tính từ đầu khóa học.

3. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các học phần được đánh giá loại đạt và không đạt).

4. Điểm trung bình chung các học phần là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét (bao gồm cả các học phần được đánh giá loại đạt và không đạt).

5. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

Điều 43. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi thành điểm số như sau:

A^+	tương ứng với	4,0
A	tương ứng với	3,7
B^+	tương ứng với	3,5
B	tương ứng với	3,0
C^+	tương ứng với	2,5
C	tương ứng với	2,0
D^+	tương ứng với	1,5
D	tương ứng với	1,0
F	tương ứng với	0

2. Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^{n} a_i n_i}{\sum_{i=1}^{n} n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung các học phần hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

a_i: là điểm của học phần thứ i

n_i: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần tính từ đầu khóa học tới thời điểm xem xét hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét cảnh báo học vụ, buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, xếp loại học lực, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ.

Điểm trung bình chung các học phần được dùng để đăng ký học cùng lúc chương trình đào tạo thứ hai, chuyển đổi sinh viên giữa các chương trình đào tạo.

Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để cảnh báo học vụ, xét buộc thôi học, xếp hạng tốt nghiệp.

Điều 44. Xử lý học vụ

Sau mỗi học kỳ chính, đơn vị đào tạo thực hiện xử lý học vụ. Kết quả học tập của học kỳ phụ được tính vào kết quả học tập của học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ.

1. Cảnh báo học vụ

Đơn vị đào tạo thực hiện cảnh báo học vụ theo từng học kỳ cho sinh viên có kết quả học tập như sau:

a) Điểm trung bình chung tích luỹ đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét đã quá 24 tín chỉ hoặc tổng số tín chỉ không đạt trong học kì vượt quá 50% khối lượng đăng kí học trong học kì.

Tùy theo đặc điểm của từng đơn vị đào tạo, thủ trưởng đơn vị quy định áp dụng một hoặc hai trong ba điều kiện nêu trên để cảnh báo kết quả học tập của sinh viên và quy định số lần cảnh báo học vụ, nhưng không quá 2 lần liên tiếp.

2. Buộc thôi học

Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định của Thủ trưởng đơn vị đào tạo;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học quy định tại khoản 1, Điều 17 của Quy chế này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại điểm d, khoản 4, Điều 35 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của đơn vị đào tạo;

d) Không đăng ký học 2 học kỳ liên tiếp;

Chậm nhất là 1 tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, đơn vị đào tạo phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

đ) Sau khi hết hạn nghỉ học tạm thời sinh viên không có đơn xin học trở lại theo quy định tại khoản 3, Điều 36 của Quy chế này.

Điều 45. Xếp loại học lực

1. Loại học lực là căn cứ để xác định khối lượng học tập sinh viên được đăng ký trong học kỳ kế tiếp. Trường hợp loại học lực của sinh viên được xác định vào thời điểm sau khi sinh viên đã đăng ký học phần, sinh viên phải rút bớt học phần trong giới hạn khối lượng quy định.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung học kỳ, học lực của sinh viên được xếp thành các loại sau:

a) Xuất sắc: Điểm trung bình chung học kỳ từ 3,60 đến 4,00

b) Giỏi: Điểm trung bình chung học kỳ từ 3,20 đến 3,59

c) Khá: Điểm trung bình chung học kỳ từ 2,50 đến 3,19

d) Trung bình: Điểm trung bình chung học kỳ từ 2,00 đến 2,49

đ) Yếu: Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,0 nhưng chưa thuộc trường hợp bị buộc thôi học.

Chương VIII
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 46. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo được xét công nhận tốt nghiệp nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Trong thời gian học tập tối đa của khóa học;

b) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;

d) Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2,00 trở lên. Đối với chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao đạt từ 2,50 trở lên;

đ) Đạt trình độ ngoại ngữ quy định tại khoản 3, Điều 13 của Quy chế này;

e) Đáp ứng những yêu cầu về kết quả học tập đối với một số học phần chuyên môn đặc thù mà Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị đào tạo có quy định bằng văn bản;

g) Được đánh giá đạt các học phần giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất và kỹ năng bổ trợ;

h) Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao được quy đổi điểm như quy định ở Điều 22 để xem xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học chính quy hệ chuẩn ngành đào tạo tương ứng.

3. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận điểm các học phần trong chương trình đào tạo đã tích lũy.

Điều 47. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học

1. Định kỳ mỗi năm 4 lần (tháng 3, tháng 6 và tháng 7, tháng 9, tháng 12), thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo của đơn vị. Hội đồng xét tốt nghiệp do thủ trưởng hoặc cấp phó của thủ trưởng đơn vị đào tạo làm Chủ tịch, đại diện lãnh đạo Phòng Đào tạo làm ủy viên thư ký và một số ủy viên khác. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với cơ sở đào tạo.

2. Trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với đơn vị đào tạo, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng trường đại học thành viên ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học cho sinh viên đào tạo tại trường mình, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học cho sinh viên đào tạo tại Trường/Khoa trực thuộc theo đề nghị của Hiệu trưởng/Chủ nhiệm khoa.

3. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành học, trong bằng có ghi rõ tên ngành học, hình thức đào tạo, chương trình đào tạo, hạng tốt nghiệp. Đối với ngành chính - ngành phụ, trong bằng ghi tên ngành học chính.

4. Bản chính bằng tốt nghiệp chỉ cấp một lần, không cấp lại.

5. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, cụ thể như sau:

a) Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00

b) Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59

c) Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19

d) Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

6. Hạng tốt nghiệp cho sinh viên học văn bằng thứ hai hoặc học cùng lúc hai chương trình đào tạo được xét theo kết quả học tập các học phần được bảo lưu của chương trình đào tạo thứ nhất và kết quả học tập các học phần được tích lũy trong thời gian học chương trình đào tạo thứ hai.

7. Những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa đạt hạng xuất sắc hoặc giỏi, hạng tốt nghiệp sẽ bị hạ một hạng nếu bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học hoặc khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

8. Phụ lục văn bằng cấp kèm theo bằng tốt nghiệp được quy định thống nhất trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội về hình thức và nội dung, trong đó điểm đánh giá của từng học phần ghi theo mức điểm chữ, bao gồm cả kết quả các học phần tự chọn tự do. Trên cơ sở phụ lục văn bằng bằng tiếng Việt, đơn vị đào tạo lập và cấp phụ lục văn bằng bằng tiếng nước ngoài cho sinh viên.

9. Đơn vị đào tạo công bố công khai danh sách sinh viên tốt nghiệp (mã số sinh viên, họ và tên, ngày tháng năm sinh, ngành học) trên trang web của đơn vị và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, giá trị văn bằng do đơn vị cấp.

10. Sinh viên chưa hoàn thành học phần giáo dục quốc phòng - an ninh, học phần giáo dục thể chất, kỹ năng bổ trợ hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin (nếu có) nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 3 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về đơn vị đào tạo hoàn thành các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

Điều 48. Quyền hạn cấp bằng đại học

1. Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành mẫu phôi bằng, in, quản lý, cấp phôi bằng đại học cho các đơn vị đào tạo.

2. Căn cứ vào quyết định công nhận tốt nghiệp, Hiệu trưởng trường đại học thành viên ký và đóng dấu của trường vào bằng tốt nghiệp đại học cho những sinh viên được đào tạo ở trường mình.

3. Căn cứ vào quyết định công nhận tốt nghiệp, Hiệu trưởng/Chủ nhiệm khoa trực thuộc ký *(không đóng dấu của trường/khoa)* trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ký và đóng dấu của Đại học Quốc gia Hà Nội vào bằng tốt nghiệp đại học cho những sinh viên được đào tạo ở trường/khoa trực thuộc.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 49. Tổ chức thực hiện

Đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng Quy chế này;

Căn cứ Quy chế này, đơn vị đào tạo có thể xây dựng các quy định cụ thể, chi tiết về tổ chức và quản lý đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù của đơn vị, nhưng không trái với Quy chế này;

Đơn vị đào tạo tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho sinh viên Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên ngay đầu khóa học;

Thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế đào tạo và các nhiệm vụ khác liên quan đến tổ chức đào tạo; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Đại học Quốc gia Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này của các đơn vị đào tạo.

Điều 50. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin

1. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm:

a) Các đơn vị đào tạo báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội về số liệu sinh viên tuyển mới, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong năm sau, tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng; phân loại theo đối tượng đầu vào, ngành đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

b) Đơn vị đào tạo báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo đối với hình thức vừa làm vừa học (nếu có) về tình hình tuyển sinh và đào tạo tại địa phương.

2. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

a) Quyết định trúng tuyển, Phục lục văn bằng (bản gốc), quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại đơn vị đào tạo;

b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Đơn vị đào tạo công khai trên trang thông tin điện tử của mình chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

a) Quy chế đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội và các quy định quản lý đào tạo có liên quan của đơn vị;

b) Quyết định mở ngành và các quyết định tổ chức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học, liên kết đào tạo trong nước (nếu có) bảo đảm đầy đủ các yêu cầu theo Quy chế đào tạo đại học hiện hành đối với chương trình sẽ tổ chức đào tạo;

c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng, các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành;

d) Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

đ) Các minh chứng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 2, 3, Điều 10 của Quy chế này.

Điều 51. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2022 trở đi. Những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Trường hợp đặc biệt, đơn vị báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét quyết định./.